

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2022/DS-ST

Ngày: 15 - 6 - 2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình)

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Nguyễn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 321/2021/TLST-DS ngày 03/12/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 12/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 107/2022/QĐST-DS ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 244/2 Tổ 8, ấp P, xã H, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2021)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1958 (có mặt);

Ông Lê Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021 của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng T1 trình bày:

Do chỗ lối xóm, quen biết với nhau, ngày 21/8/2020 âm lịch (tức ngày 07/10/2020 dương lịch) bà L có cho bà D, ông T vay số tiền 70.000.000đồng để chăn nuôi, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà D, ông T hẹn 6 tháng sẽ hoàn trả tiền cho bà L. Bà D, ông T có viết, ký tên vào biên nhận nợ cho bà L.

Ngày 14/9/2020 âm lịch (tức ngày 30/10/2020 dương lịch), bà L tiếp tục cho bà D, ông T vay số tiền 140.000.000đồng để chăn nuôi, cũng thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà D, ông T hẹn 06 tháng sẽ hoàn trả cho bà L, khi đó, bà D, ông T có viết, ký tên vào biên nhận nợ cho bà L.

Từ khi vay tiền, bà D và ông T không có trả cho bà L được số tiền vốn và tiền lãi nào. Đến nay thời gian cũng quá lâu nhưng bà D, ông T vẫn không trả số tiền nợ cho bà L.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Lê Văn T liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay là 210.000.000đồng (Hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/10/2020 cho đến khi Tòa xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng. Yêu cầu trả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với chữ ký và chữ viết họ tên của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D trong 02 biên nhận ngày 21/8/2020 âm lịch và ngày 14/9/2020 âm lịch là do ông bà tự ký và viết họ tên. Mặc dù chữ ký và chữ viết họ tên của ông T có khác nhau, tuy nhiên chữ ký và chữ viết họ tên của bà D là giống nhau, và ông bà là vợ chồng, việc vay tiền để chăn nuôi, là nguồn thu nhập chính trong gia đình. Do đó, đây là nợ chung của ông T và bà D. Bà L không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Lê Văn T trả số tiền vốn vay 210.000.000đồng và chỉ yêu cầu trả lãi với số tiền 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, bị đơn ông Lê Văn T khai như sau:

Ông T và bà Nguyễn Thị Hồng D là vợ chồng. Trước đây (ông không nhớ rõ thời gian) do cần tiền mua gà tre con để nuôi nên vợ chồng ông có mượn bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 140.000.000đồng, thỏa thuận 6 tháng trả tiền và lãi suất là 3%/tháng (mượn 02 lần).

Theo ông T, đối với Biên nhận vay mượn tiền ngày 14/9/2020 ÂL do bà L cung cấp cho Tòa án: Chữ ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị Hồng D” là của vợ ông ký và viết; còn chữ ký và ghi họ tên “Lê Văn T” không phải là của ông nhưng ông T thừa nhận có mượn bà L số tiền 140.000.000đồng theo biên nhận này.

Đối với Biên nhận vay mượn tiền ngày 21/8/2020 ÂL do bà L cung cấp cho Tòa án thì ông T cho rằng: Chữ ký và ghi họ tên “Lê Văn T” là do ông T ký và viết tên; chữ ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị Hồng D” là do vợ ông ký và viết. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận có mượn bà L số tiền 70.000.000đồng theo Biên nhận này.

Ngoài ra, ông T còn khai rằng, ông có nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án, nhưng do bận việc và sức khỏe đi lại không đảm bảo nên ông không đến Tòa án được, còn vợ ông đi làm ăn xa, lâu lâu mới về một lần nên cũng không đến Tòa án được.

Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 140.000.000đồng theo Biên nhận ngày 14/9/2020 ÂL, không đồng ý trả số tiền 70.000.000đồng theo Biên nhận ngày 21/8/2020 ÂL.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Bà D và ông Lê Văn T là vợ chồng. Bà D thừa nhận do cần tiền để làm vốn chăn nuôi nên vợ chồng bà có vay tiền của bà Đặng Thị Ngọc L nhiều lần, nên gộp lại viết cho bà L Biên nhận vay mượn tiền ngày 21/8/2020 âm lịch với số tiền 70.000.000đồng. Biên nhận này có mẫu đánh máy sẵn, còn nội dung chữ viết bằng bút mực là do bà D tự viết, chữ ký và viết tên Nguyễn Thị Hồng D là do bà D tự ký và viết tên, chữ ký và chữ viết tên Lê Văn T là do ông T ký và viết tên. Sau đó, vào ngày 14/9/2020 âm lịch, vợ chồng bà tiếp tục vay của bà L số tiền 140.000.000đồng, có làm biên nhận cho bà L. Biên nhận này cũng là mẫu đánh máy sẵn, còn nội dung chữ viết bằng bút mực là do bà D tự viết, chữ ký và viết tên Nguyễn Thị Hồng D là do bà ký và viết tên, còn chữ ký và viết tên Lê Văn T không phải tự ông T ký và viết tên, mà bà nhờ người khác ký và viết tên giùm, nhưng ông T vẫn biết có vay bà L số tiền này.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà L, bà D đồng ý cùng chồng là ông T trả cho bà L số tiền vốn vay là 210.000.000đồng cùng tiền lãi 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T đến tòa để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đối với những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn Lê Văn T mặc dù đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do là không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn T và

bà Nguyễn Thị Hồng D liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay 210.000.000 đồng cùng tiền lãi 30.000.000đồng, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà L yêu cầu bà D, ông T trả số tiền đã vay cùng tiền lãi với số tổng tiền 240.000.000đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 210.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu về số tiền vốn vay:

Đối với Biên nhận vay mượn tiền đề ngày 14/9/2020 ÂL với số tiền 140.000.000đồng: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, bị đơn ông Lê Văn T thừa nhận có cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng D vay của bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 140.000.000đồng và đồng ý cùng bà D trả cho bà L số tiền này. Tại phiên tòa, bà D cũng thừa nhận có cùng chồng là ông T vay của bà L số tiền 140.000.000đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà L.

Đối với Biên nhận vay mượn tiền đề ngày 21/8/2020 ÂL với số tiền 70.000.000đồng: Bị đơn ông Lê Văn T cho rằng không có vay của bà L số tiền 70.000.000đồng nên không đồng ý trả cho bà L số tiền này. Tại phiên tòa, bà D cho rằng do cần vốn chăn nuôi nên vợ chồng bà có vay bà L nhiều lần, nên gộp lại viết cho bà L Biên nhận vay mượn tiền ngày 21/8/2020 ÂL, chữ ký và viết tên của bà và của ông T là do bà và ông T tự ký tự viết tên. Do đó, bà đồng ý cùng ông T trả cho bà L số tiền này. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, ông T cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết “Lê Văn T” trong Biên nhận vay mượn tiền đề ngày 21/8/2020 ÂL là do ông T

ký và viết tên. Do đó, việc ông T cho rằng có ký tên vào biên nhận vay mượn tiền mà không biết và không vay số tiền này là không có cơ sở.

Căn cứ vào Biên nhận vay mượn tiền đề ngày 21/8/2020 ÂL, Biên nhận vay mượn tiền đề ngày 14/9/2020 ÂL do bà Đặng Thị Ngọc L cung cấp; Căn cứ lời khai của ông Lê Văn T tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng D tại phiên tòa.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà D và ông T có vay của bà L số tiền 70.000.000đồng theo Biên nhận vay mượn tiền ngày 21/8/2020 ÂL và số tiền 140.000.000đồng theo Biên nhận vay mượn tiền ngày 14/9/2020 ÂL, tổng cộng là 210.000.000đồng và chưa trả số tiền này cho bà L. Do đó cần buộc bà D, ông T có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 210.000.000đồng cho bà L.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Căn cứ vào Biên nhận vay mượn tiền ngày 21/8/2020 ÂL và Biên nhận vay mượn tiền ngày 14/9/2020 ÂL thì xác định đây là hợp đồng vay có lãi suất. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng và yêu cầu tính từ ngày 30/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông T không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi với số tiền 30.000.000đồng, như vậy là thấp hơn mức lãi suất theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định pháp luật và đã có lợi cho phía bị đơn. Bị đơn bà D đồng ý trả 30.000.000đồng tiền lãi cho bà L.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L cho nên cần buộc bà D, ông T có nghĩa vụ trả lãi 30.000.000đồng cho bà L.

[3.3] Đối với yêu cầu về trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về quan hệ nhân thân thì ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D là vợ chồng, cả bà D và ông T đều thừa nhận là vay tiền của bà L là để làm vốn chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Do đó, bà D và ông T phải có trách nhiệm liên đới trong nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L, buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vốn vay 210.000.000đồng cùng tiền lãi 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng;

[3.4] Về thời gian trả tiền: Bà L yêu cầu bà D và ông T trả số tiền vốn và lãi cho bà L khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì phía bà D, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên Hội đồng xét xử buộc bà D, ông T trả cho bà L số tiền vốn vay 210.000.000đồng và lãi 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Đặng Thị Ngọc L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Lê Văn T phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Bà Đặng Thị Ngọc L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc L.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vốn vay là 210.000.000đồng, tiền lãi là 30.000.000đồng, tổng cộng là 240.000.000đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

Thời gian thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Lê Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Bà Đặng Thị Ngọc L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với ông Lê Văn T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh

chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là Biên nhận Chữ ký và ghi họ tên “Nguyễn Thị Hồng D” là của vợ ông ký và viết; còn chữ ký và ghi họ tên “Lê Văn T” không phải là của ông nhưng ông T thừa nhận có mượn bà L số tiền 140.000.000đồng theo biên nhận này.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì vào ngày 19/10/2020 ông Diệp có cho vợ chồng bà L, ông Lý vay số tiền 111.150.000đồng, hai bên có làm biên nhận, thỏa T lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay tiền là 03 tháng;

Căn cứ vào “Biên nhận Mượn Tiền” ngày 19/10/2020 do ông Đào Văn Diệp cung cấp;

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị L, ông Đỗ Văn Lý nhưng bà L, ông Lý vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của của ông Diệp. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như bà L, ông Lý không có phản đối gì đối với yêu cầu của ông Diệp.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 19/10/2020 ông Diệp có cho vợ chồng bà L, ông Lý vay số tiền 111.150.000đồng và bà L, ông Lý chưa trả số tiền trên cho ông Diệp. Do đó cần buộc bà L, ông Lý có nghĩa vụ trả số tiền vay 111.150.000đồng cho ông Diệp.

Đối với yêu cầu tính lãi:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thời hạn, thời hiệu; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, Người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L thì vụ án T1ộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự và vụ án T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, bà Đinh vắng mặt không lý do, ông Thắng, chị Trâm có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt bà Đinh, ông Thắng, chị Trâm.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi bổ sung này;

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Căn cứ vào đơn khởi kiện thì bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Ngọc Trâm, trong đó Nguyễn Ngọc Trâm là không chính xác; Căn Cứ vào đơn khiếu nại ngày 15/01/2020 và biên nhận ngày 21/01/2019, thì bị đơn là Nguyễn Thị Ngọc Trâm nên cần điều chỉnh cho phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L về việc ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 845.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ của bà Đặng Thị Ngọc L thì vào ngày 21/01/2019, bà L có cho bà Nguyễn Thị Đinh vay số tiền 260.000.000 đồng, không lãi suất, không thời hạn trả, bà Đinh và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Trâm có viết, ký tên vào biên nhận; Ngày 21/01/2019, bà L có cho ông Nguyễn Ngọc Thắng vay số tiền 585.000.000 đồng, không lãi suất, không thời hạn trả, ông Thắng có ký tên vào biên nhận;

Căn cứ biên nhận ngày 21/01/2019, bà L có cho bà Nguyễn Thị Đinh vay số tiền 260.000.000 đồng, bà Đinh và con gái là Nguyễn Thị Ngọc Trâm có viết, ký tên vào biên nhận và biên nhận ngày 21/01/2019, bà L có cho ông Nguyễn Ngọc Thắng vay số tiền 585.000.000 đồng, ông Thắng có viết, ký tên vào biên nhận;

Căn cứ biên bản hoà giải ngày 02/01/2020, bà Nguyễn Thị Đinh trình bày Bà Đinh thừa nhận có ký nhận vào biên nhận 260.000.000 đồng cùng con gái là Trâm ngày 21/01/2019. Biên nhận ngày 21/01/2019, số tiền 585.000.000 đồng,

chữ ký của ông Thắng. Nhưng số tiền trong hai biên nhận là không đúng, bà Đinh vay số tiền 400.000.000 đồng, ông Thắng ký vào biên nhận 300.000.000 đồng. Bà Đinh và ông Thắng đã trả được cho bà L được 400.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 300.000.000 đồng. Khi bà Đinh, ông Thắng trả 400.000.000 đồng cho bà L bằng hình thức là cản trừ nợ cho Nguyễn Thị Châu, Nguyễn Văn Bửu là những người nợ bà Đinh, trong đó bà Châu nợ 180.000.000 đồng, ông Bửu nợ 195.000.000 đồng và bà L đồng ý nhận tiền từ những người này để cản trừ nợ số tiền vay 700.000.000 đồng. Bà Đinh không có căn cứ gì chứng minh đã trả số tiền trên cho bà L và đại diện uỷ quyền của bà L cũng không thừa nhận;

Căn cứ vào đơn khiếu nại ngày 15/01/2020, ông Nguyễn Ngọc Thắng có thừa nhận vay tiền của bà L nhưng số tiền trong biên nhận là không đúng số tiền mà ông Thắng đã vay của bà L nhưng ông Thắng không có căn cứ gì chứng minh;

Căn cứ vào đơn khiếu nại ngày 15/01/2020, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có thừa nhận vay tiền của bà L nhưng số tiền trong biên nhận là không đúng nhưng chị Trâm không có căn cứ gì chứng minh;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của bà Đặng Thị Ngọc L là có cơ sở, bởi vì: Bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm vẫn còn nợ bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vay là 260.000.000 đồng và ông Nguyễn Ngọc Thắng còn nợ bà L số tiền vay 585.000.000 đồng và chưa trả số tiền trên;

Đối với yêu cầu về trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về quan hệ nhân thân thì bà Nguyễn Thị Đinh và ông Nguyễn Ngọc Thắng là vợ chồng, bà Đinh, ông Thắng đều thừa nhận là vay tiền của bà L là để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình thì phải có trách nhiệm liên đới trong nghĩa vụ trả nợ cho bà L;

Chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm là con trong gia đình, chị Trâm chỉ ký nhận trong biên nhận 260.000.000 đồng nên chỉ có trách nhiệm liên đới trong số tiền này cùng với bà Đinh, ông Thắng;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L cho nên cần buộc: Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vay 585.000.000 đồng; Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đinh, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền vay 260.000.000 đồng;

Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 29 ngày với lãi suất 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hai biên nhận ngày 21/01/2019 thì xác định đây là hợp đồng vay không lãi suất, không thỏa T thời gian trả cho nên chỉ tính lãi suất do chậm

thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau 03 tháng là ngày 21/4/2019 là ngày vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L;

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Đính, ông Nguyễn Ngọc Thắng, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm nhưng bà Đính, ông Thắng, chị Trâm vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà L. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như bà Đính, ông Thắng, chị Trâm không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà L.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà Đặng Thị Ngọc L cho nên cần buộc: Bà Nguyễn Thị Đính, ông Nguyễn Ngọc Thắng, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền lãi tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 29 ngày, với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 25.824.000 đồng (trong số tiền vay 260.000.000 đồng); Bà Nguyễn Thị Đính, ông Nguyễn Ngọc Thắng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền lãi tính từ ngày 21/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 29 ngày, với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 58.104.000 đồng (trong số tiền vay 585.000.000 đồng).

[3] Xét yêu cầu của bà Đặng Thị Ngọc L về việc ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có nghĩa vụ trả số tiền vay 845.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thời gian trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Ngọc L về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà L nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà L. Do đó cần buộc: Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 585.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 58.104.000 đồng cho bà L; Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 260.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 25.824.000 đồng cho bà L. Thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà L là người cao tuổi T1ộc trường hợp không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 235, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc L.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 585.000.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 58.104.000 đồng (năm mươi tám triệu, một trăm lẻ bốn ngàn đồng);

Buộc ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Ngọc L số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 25.824.000 đồng (hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Đặng Thị Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm phải chịu 14.291.200 đồng (mười bốn triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính phải chịu 29.724.160 đồng (hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, một trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Ngọc Thắng, bà Nguyễn Thị Đính, chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, có mặt chị Lê Thị Hồng T1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND huyện Chợ Gạo;
 - Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
 - Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu